

**NHÓM CÂY CHO GỖ, CÂY LÀM CẢNH VÀ CHO BÓNG MÁT
TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BẮC HƯỚNG HÓA,
HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ**

TRẦN MINH HỘI

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

NGUYỄN TƯ LỆNH

Công ty Cổ phần sinh vật cảnh Vạn Xuân

NGUYỄN QUANG ANH

Trường THPT Cao Bá Quát, Quốc Oai, Hà Nội

Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Bắc Hướng Hóa, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt thành lập theo Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tổng diện tích là 25.200 ha (vùng lõi) gồm 5 xã (Hướng Lập, Hướng Việt, Hướng Phùng, Hướng Sơn và Hướng Linh thuộc huyện miền núi Hướng Hóa), có ranh giới phía tây giáp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (khoảng 6km); phía bắc giáp với tỉnh Quảng Bình (khoảng 20km); phía nam giáp các xã Hướng Phùng, Hướng Sơn và Hướng Linh, huyện Hướng Hóa; phía đông giáp với 3 huyện Vĩnh Linh (1,5km), Gio Linh và Đăkrông. Diện tích vùng đệm bao gồm diện tích còn lại của 5 xã trên là 47.447ha. Đây là Khu BTTN thứ hai của tỉnh Quảng Trị sau Khu BTTN Đăkrông. Khu BTTN Bắc Hướng Hóa là một vùng rừng còn tương đối nguyên sinh, là khu vực rừng còn sót lại trong vùng do sự tàn phá nặng nề trong chiến tranh, đặc biệt là chất độc hoá học. Rừng trong Khu BTTN đã và đang đóng vai trò phòng hộ đầu nguồn quan trọng của 4 hệ thủy lớn. Độ che phủ rừng tự nhiên trong Khu Bảo tồn lên tới 83,5%. Rừng và thảm thực vật tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa còn có giá trị kinh tế to lớn đối với cộng đồng địa phương đang sống trong và xung quanh ranh giới Khu Bảo tồn như cung cấp cây thực phẩm, các sản phẩm ngoài gỗ bao gồm cả cây làm thuốc, gỗ củi, v.v.

Những nghiên cứu về đa dạng sinh học, tài nguyên sinh vật nói chung và tài nguyên thực vật nói riêng ở đây còn rất thiếu. Những nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào điều tra, đánh giá nguồn tài nguyên thực vật nói chung tại đây. Trong bài báo này, chúng tôi giới thiệu nhóm cây cho gỗ, cây làm cảnh và cho bóng mát tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm: 5 xã (Hướng Lập, Hướng Việt, Hướng Phùng, Hướng Sơn và Hướng Linh) trong Khu BTTN Bắc Hướng Hóa.

2. Thời gian: Đợt 1: 26/4/2008-15/5/2008; Đợt 2: 10/11-30/11/2008; Đợt 3: 3/5-25/5/2009.

3. Phương pháp: Phương pháp nghiên cứu theo Các phương pháp nghiên cứu Thực vật của Nguyễn Nghĩa Thìn. Khu vực nghiên cứu quá rộng, địa hình hiểm trở nên chúng tôi dùng phương pháp khảo sát theo tuyến, đo toạ độ địa lý tại một số điểm cần thiết, thu thập tiêu bản thực vật. Các tuyến khảo sát được thiết kế qua các kiểu rừng và các sinh cảnh khác nhau (rừng kín thường xanh với cây lá rộng á nhiệt đới, rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới ít bị tác động, rừng phục hồi, vùng đệm, sông, suối, thung lũng...) cũng như các điểm có độ cao khác nhau để thấy được sự phân bố của hệ thực vật ở đây.

Thực hiện một số ô tiêu chuẩn với kích thước phù hợp (20m x 20m) tại một số sinh cảnh điển hình như khu vực rừng kín thường xanh với cây lá rộng và sinh cảnh rừng kín thường xanh khu vực vùng đồi thấp để nhận xét đánh giá về những loại cây gỗ, cây bụi và cây thảo đồng thời

đo chiều cao, đường kính, đếm số lượng và phân loại các loài thực vật trong ô nghiên cứu theo họ, chi và loài. Thu thập tiêu bản thực vật; giám định tên được tiến hành theo phương pháp so sánh hình thái trong phòng thí nghiệm và sắp xếp theo các nhóm công dụng.

Điều tra trong nhân dân về việc sử dụng, khai thác, sự phân bố, công dụng của một số loài thực vật trong các nhóm tài nguyên thực vật.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả điều tra các nhóm cây cho gỗ và cây làm cảnh, cho bóng mát tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa được trình bày trong Phụ lục.

1. Nhóm cây cho gỗ: Ở Việt Nam, nhóm tài nguyên cây cho gỗ tập trung nhiều nhất vào hai ngành thực vật tiến hóa nhất trong giới thực vật là Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta), hiện nay chiếm hầu hết các diện tích đất rừng tự nhiên và gây trồng. Trong tổng số khoảng 12.000 loài thực vật bậc cao có mạch, nhóm cây cho gỗ có đến 2.500 loài, phân bố trong các họ thực vật lớn hoặc trong các họ tuy số loài ít nhưng số cá thể lớn, tạo nên các kiểu thảm thực vật tối ưu. Nhóm cây cho gỗ cung cấp gỗ cho nhu cầu xây dựng, đóng đồ, làm các công trình công nghiệp. Ngoài ra, nhóm cây cho gỗ này còn đóng góp cho con người sử dụng nhiều sản phẩm quý chứa trong các cơ quan của cây dùng làm thuốc, làm thực phẩm, dầu nhựa, tanin, chất màu...

Tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, trong tổng số 35 họ và 117 loài thuộc 2 ngành Thực vật bậc cao có mạch thì ngành Thông (Pinophyta) gồm 2 họ, 6 loài; ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) gồm 33 họ, 111 loài. Những họ có nhiều loài cho gỗ là: Đậu (Fabaceae) - 12 loài; Long não (Lauraceae) - 11 loài; Dẻ (Fagaceae) - 10 loài; Đào lộn hột (Anacardiaceae), Vang (Caesalpiniaceae), Thị (Ebenaceae) và Bồ hòn (Sapindaceae), mỗi họ có 6 loài; Xoan (Meliaceae) và Kim giao (Podocarpaceae), mỗi họ có 5 loài. Đáng chú ý là những loài cho gỗ tốt như Hoàng đàn giả (*Dacrydium elatum*), Gụ lau (*Sindora tonkinensis*), Lim vàng (*Peltophorum dasyrhachis*), Lim xẹt (*Peltophorum pterocarpum*), Xoay (*Dialium cochinchinense*), Dẻ giáp (*Castanopsis armata*), Vù hương (*Cinnamomum parthenoxylon*), Giổi xanh (*Michelia mediocris*), Lát hoa (*Chukrasia tabularis*) và một số loài cây có chất lượng gỗ trung bình trong họ Đậu (Fabaceae), Thị (Ebenaceae), Xoan (Meliaceae)... Trong số những cây cho gỗ gặp tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, có 9 loài đã được cấp báo trong Sách Đỏ Việt Nam. Đây là những cây gỗ lớn có kích thước với đường kính thân từ 60cm trở lên hay bị săn lùng và khai thác trái phép, cần bảo tồn những loài cây trên và có phương án gây trồng những cây con từ nguồn giống của những cây này trong khu bảo tồn.

2. Nhóm cây cảnh và cho bóng mát: Nhóm cây cảnh và cây bóng mát bao gồm: cây hoa, cây cảnh và cây bóng mát. Chúng có giá trị thẩm mỹ cao. Ngoài ra, chúng còn có tác dụng điều hòa khí hậu, cải tạo môi trường, chống ô nhiễm và tiếng ồn cho cư dân.

Tại Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, chúng tôi đã điều tra được 50 loài. Họ có nhiều loài làm cảnh là Lan (Orchidaceae) - 13 loài; Dứa sọt (Agavaceae) - 5 loài; Dâu tằm (Moraceae) - 4 loài; Lộc vừng (Lecythidaceae), Thu hải đường (Begoniaceae), Kim giao (Podocarpaceae), Tuế (Cycadaceae), mỗi họ có 3 loài; Mai (Ochnaceae) - 2 loài. Trong số đó có 3 loài đã được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam. Một số loài chủ yếu *Dendrobium* spp. (họ Lan - Orchidaceae), *Barringtonia* spp. (họ Lộc vừng) và một số loài thuộc ngành Dương xỉ và Thông.

III. KẾT LUẬN

Nhóm cây cho gỗ trong khu BTTN Bắc Hướng Hóa khá phong phú, gồm 35 họ và 117 loài thuộc 2 ngành Thông và Ngọc lan, trong đó ngành Thông (Pinophyta) gồm 2 họ, 6 loài; ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) gồm 33 họ, 111 loài. Những họ có nhiều loài cho gỗ là: Đậu

(Fabaceae) - 12 loài; Long não (Lauraceae) - 11 loài; Dẻ (Fagaceae) - 10 loài; Đào lộn hột (Anacardiaceae), Vang (Caesalpiniaceae), Thị (Ebenaceae) và Bồ hòn (Sapindaceae), mỗi họ có 6 loài; Xoan (Meliaceae) và Kim giao (Podocarpaceae), mỗi họ có 5 loài.

Nhóm cây cảnh và cho bóng mát gồm 50 loài. Họ có nhiều loài làm cảnh là Lan - 13 loài; Dừa sồi - 5 loài; Dầu tằm - 4 loài; Lộc vừng, Thu hải đường, Kim giao, Tuế, mỗi họ có 3 loài; Mai - 2 loài. Một số loài chủ yếu *Dendrobium* spp. (họ Lan), *Barringtonia* spp. (họ Lộc vừng) và một số loài thuộc ngành Dương xỉ và Thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bân (Chủ biên), 2003-2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 2, tập 3. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, Phần II - Thực vật. NXB. Khoa học tự nhiên & Công nghệ, Hà Nội.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2000: Tên cây rừng Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006: Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.
5. Trần Hợp, 2000: Cây cảnh, hoa Việt Nam. NXB. Nông nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.
6. Trần Hợp, 2002: Tài nguyên cây gỗ Việt Nam. NXB. Nông nghiệp.
7. Triệu Văn Hùng (Chủ biên), 2007: Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam. NXB. Bản đồ, Hà Nội.
8. Nguyễn Đức Tố Lưu, Cao Tùng Lâm, 2002: Cây rừng làm cảnh. Tổ chức phát triển Hà Lan SNV Việt Nam.
9. Nguyễn Hoàng Nghĩa, 2004: Các loài cây lá kim ở Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Nguyễn Hoàng Nghĩa, 2005: Cây họ Dầu Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
11. Prosea, 1999-2001: Timber trees. Major commercial timbers. PROSEA 5(1,2,3).
12. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007: Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 1. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
14. Viện Điều tra và Quy hoạch rừng, 1996: Cây gỗ rừng Việt Nam. NXB. Nông nghiệp.

TIMBER AND ORNAMENTAL PLANTS IN NORTHERN HUONG HOA NATURE RESERVE, HUONG HOA DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE

TRAN MINH HOI, NGUYEN TU LENH, NGUYEN QUANG ANH

SUMMARY

The timber plant group in the North Huong Hoa Nature Reserve is rich, comprising 36 families and 116 species; among them, the Pinophyta consists of 2 families, 5 species; the Magnoliophyta 34 families, 111 species. The most diverse families are: Fabaceae - 12 species, Lauraceae - 11 species, Fagaceae - 10 species, Anacardiaceae and Ebenaceae - 65 species each, Meliaceae - 5 species, Podocarpaceae - 4 species. The ornamental plant group is comprised of 37 species. The species-rich families are: Orchidaceae - 14 species; Moraceae - 4 species. Some principal species are *Barringtonia* spp., many species in Orchidaceae and some in Polypodiophyta and Pinophyta.

PHỤ LỤC
CÂY CHO GỖ, CÂY LÀM CẢNH VÀ CHO BÓNG MÁT
TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BẮC HƯỚNG HÓA

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	Công dụng	SDVN 2007
	POLYPODIOPHYTA	NGÀNH DƯƠNG XỈ			
	1. Aspleniaceae	Họ Tổ diều			
1	<i>Asplenium nidus</i> L.	Ráng ô phụng	TH	CAN	
	2. Cyatheaceae	Họ Dương xỉ mộc			
2	<i>Cyathea cotamincars</i> (Wall. ex Hook.) Copel.	Dương xỉ mộc	TH	CAN	
	3. Cycadaceae	Họ Tuế			
3	<i>Cycas inermis</i> Lour.	Tuế sơn trà	GON	CAN	VU
4	<i>C. pectinata</i> Griff.	Tuế lược	GON	CAN	VU
5	<i>C. revoluta</i> Thunb.	Vạn tuế	GON	CAN	
	PINOPHYTA	NGÀNH THÔNG			
	4. Cephalotaxaceae	Họ Đinh tùng			
6	<i>Cephalotaxus manii</i> Hook. f.	Đinh tùng	GOL	LGO	VU
	5. Podocarpaceae	Họ Kim giao			
7	<i>Dacrydium elatum</i> (Roxb.) Wall. ex Hook.	Hoàng đàn già	GOL	LGO	
8	<i>Dacrycarpus imbricatus</i> (Blume) de Laub.	Thông nạng	GOL	LGO, CAN	
9	<i>Nageia wallichiana</i> (Presl.) Kuntze	Kim giao núi đất	GOL	LGO, CAN	
10	<i>Podocarpus neriifolius</i> D. Don.	Thông tre lá dài	GON	LGO, CAN	
11	<i>P. pilgeri</i> Foxworthy	Thông tre lá ngắn	GON	LGO	
	MAGNOLIOPHYTA	NGÀNH NGỌC LAN			
	Magnoliopsida	Lớp Ngọc lan			
	6. Acanthaceae	Họ Ô rô			
12	<i>Thunbergia alata</i> Boyer ex Sims	Cát đằng cánh	DL	CAN	
	7. Altingiaceae	Họ Tô hạp			
13	<i>Liquidambar formosana</i> Hance	Sau sau	GOL	LGO	
	8. Amaranthaceae	Họ Rau dền			
14	<i>Celosia argentea</i> L.	Mào gà đuôi lợn	TH	CAN	
	9. Anacardiaceae	Họ Đào lộn hột			
15	<i>Allospondias lakonensis</i> (Pierre) Stapf	Giầu già xoan	GOT	LGO	
16	<i>Dracontomelon schmidii</i> Tardieu	Long cóc	GOL	LGO	
17	<i>Gluta gracilis</i> Evrard	Trâm mộc mảnh	GON	LGO	
18	<i>Mangifera foetida</i> Lour.	Xoài hôi	GOL	LGO	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ BA

19	<i>M. indica</i> L.	Xoài	GOT	LGO	
20	<i>Semecarpus anacardiopsis</i> Evr. & Tard.	Xung đào	GON	LGO	
	10. Annonaceae	Họ Na			
21	<i>Goniothalamus multiovulatus</i> Ast	Giác để nhiều noãn	GON	LGO	
22	<i>Meiogyne subsessilis</i> (Ast) Sincl.	Thiếu nhụy ngồi	GON	LGO	
23	<i>Polyalthia jucunda</i> (Pierre) Fin. & Gagnep.	Ma trình	GON	LGO	
24	<i>Xylopia vielana</i> Pierre	Giền đỏ	GON	LGO	
	11. Apocynaceae	Họ Trúc đào			
25	<i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br.	Sữa	GOL	LGO, CAN	
	12. Araliaceae	Họ Ngũ gia bì			
26	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin	Chân chim	GON	LGO, CAN	
	13. Asteraceae	Họ Cúc			
27	<i>Tithonia tagetiflora</i> Desf.	Quỳ	BUI	CAN	
	14. Begoniaceae	Họ Thu hải đường			
28	<i>Begonia aptera</i> Blume	Thu hải đường không cánh	TH	CAN	
29	<i>B. boisiana</i> Gagnep.	Mắt đá	TH	CAN	
30	<i>B. eberhardtii</i> Gagnep.	Chân vịt tía	TH	CAN	
	15. Betulaceae	Họ Cánh lò			
31	<i>Carpinus viminea</i> Lindl. in Wall.	Duyên cảnh	GOL	LGO	
	16. Bignoniaceae	Họ Chùm ớt			
32	<i>Radermachera sinica</i> (Hance) Hemsl.	Rẻ dẹt trung quốc	GON	LGO, CAN	
33	<i>Stereospermum colais</i> (Dillw.) Mabberl.	Quao núi	GOL	LGO, CAN	
34	<i>S. neuranthum</i> Kurz	Khé núi	GOL	LGO	
	17. Bombacaceae	Họ Gạo			
35	<i>Bombax ceiba</i> L.	Gạo rừng	GOT	LGO	
36	<i>Ceiba pentandra</i> (L.) Gaerth.	Gòn	GOL	LGO	
	18. Burseraceae	Họ Trám			
37	<i>Canarium album</i> (Lour.) Raeusch	Trám trắng	GOL	LGO	
38	<i>C. bengalense</i> Roxb.	Trám hồng	GOL	LGO	
39	<i>C. parvum</i> Leenh.	Trám chim	GON	LGO	
	19. Caesalpiniaceae	Họ Vang			
40	<i>Dialium cochinchinense</i> Pierre	Xoay	GOL	LGO	
41	<i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.	Lím xanh	GOL	LGO	
42	<i>Petioforum dasyrhachis</i> (Miq.) Kurz	Lím vàng	GOL	LGO	
43	<i>P. pierocarpum</i> (DC.) Backer ex Heyne	Lím xẹt	GOL	LGO	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ BA

44	<i>Saraca indica</i> L.	Vàng anh	GOT	LGO, CAN	
45	<i>Schubertinia</i> A. Chev. ex K. & S. Larsen	Gụ lau	GOL	LGO	EN
	20. Celastraceae	Họ Dây gối			
46	<i>Gymnosporia chevalieri</i> Tard.	Van trắng	GON	LGO	
47	<i>Siphonodon celastrineus</i> Griff.	Xung da	GOT	LGO	
	21. Clusiaceae	Họ Bứa			
48	<i>Calophyllum dryobalanoides</i> Pierre	Còng trắng	GOL	LGO	
49	<i>Cratogeomys cochinchinensis</i> (Lour.) Bl.	Thành ngạnh nam	GOT	LGO	
50	<i>Garcinia cochinchinensis</i> (Lour.) Choisy	Bứa	GOT	LGO	
	22. Dipterocarpaceae	Họ Dầu			
51	<i>Dipterocarpus costatus</i> Gaertn. f.	Dầu cát	GOL	LGO	
52	<i>D. grandiflorus</i> Blanco	Dầu dốt tím	GOL	LGO	
53	<i>D. hasseltii</i> Blume	Dầu rái	GOL	LGO	
	23. Ebenaceae	Họ Thị			
54	<i>Diospyros lanceifolia</i> Roxb.	Săng đen	GOL	LGO	
55	<i>D. longibracteata</i> Lecomte	Thị lá bắc dài	GOT	LGO	
56	<i>D. martabanica</i> C. B. Clarke	Thị trâm	GOT	LGO	
57	<i>D. moi</i> Lecomte	Thị thường	GON	LGO	
58	<i>D. pilosula</i> (A. DC.) Wall.	Thị mít	GON	LGO	
59	<i>D. rufogemmata</i> Lecomte	Thị chổi hung	GON	LGO	
	24. Elaeocarpaceae	Họ Côm			
60	<i>Elaeocarpus grandiflorus</i> J. E. Smith	Côm bông lớn	GOT	LGO	
61	<i>E. griffithii</i> (Wight) A. Gray	Côm tàng	GOT	LGO	
	25. Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu			
62	<i>Bischofia javanica</i> Blume	Nhội	GOT	CAN	
63	<i>Endospermum chinense</i> Benth.	Vạng trứng	GOL	LGO	
64	<i>Euphorbia pulcherrima</i> Willd. ex Klotzsch	Trạng nguyên	BUI	CAN	
	26. Fabaceae	Họ Đậu			
65	<i>Dalbergia polyadelpha</i> Prain	Trắc nhiều bó nhị	GOT	LGO	
66	<i>Ormosia laosensis</i> Niyodham	Ràng ràng lão	GOT	LGO	
	27. Fagaceae	Họ Dẻ			
67	<i>Castanopsis armata</i> (Roxb.) Spach	Dẻ giáp	GOL	LGO	
68	<i>C. ceratocantha</i> Rehd. & Wils.	Cà ôi gai sừng	GOT	LGO	
69	<i>C. dongchoensis</i> Hickel & A. Camus	Kha thụ động chẻ	GOT	LGO	
70	<i>C. quangtrienensis</i> Hickel & A. Camus	Kha thụ quang trị	GOT	LGO	
71	<i>C. tcheponensis</i> Hickel & A. Camus	Kha thụ sêpôn	GOT	LGO	
72	<i>Lithocarpus corneus</i> (Lour.) Rehd.	Sồi đỏ	GON	LGO	
73	<i>L. hemisphaericus</i> (Drake) Barnett	Dẻ bán cầu	GOT	LGO	VU

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ BA

74	<i>L. jacksonianus</i> A. Camus	Dẻ jackson	GOT	LGO	
75	<i>L. pachylepis</i> A. Camus	Dẻ vảy dày	GOT	LGO	
76	<i>Quercus gomeziana</i> A. Camus	Sồi nhung	GOL	LGO	
	28. Hamamelidaceae	Họ Hồng quang			
77	<i>Exbucklandia populnea</i> (R. Br. ex Griff.) R. W. Br.	Chấp tay tra	GOL	LGO	
78	<i>Rhodoleia championii</i> Hook.	Hồng quang rừng	GOL	LGO	
	29. Lauraceae	Họ Long não			
79	<i>Alseodaphne tonkinensis</i> Liouho	Sự bắc	GON	LGO	
80	<i>Beilschmiedia ferruginea</i> Liouho	Chấp sét	GON	LGO	
81	<i>Cinnamomum glaucescens</i> (Ness) Drury	Re xanh phần	GOT	LGO	
82	<i>C. parthenoxylon</i> (Jack.) Meissn.	Vù hương	GOL	LGO	CR
83	<i>C. camphora</i> (L.) J. S. Presl.	Long não	GOL	LGO	
84	<i>C. balansae</i> Lecomte	Gù hương	GOL	LGO	VU
85	<i>Cryptocarya annamensis</i> Allen	Ăn hạch trung bộ	GOT	LGO	
86	<i>C. ferrea</i> Blume	Ăn hạch sét	GOL	LGO	
87	<i>C. petelotii</i> Kosterm	Cà duối	GOL	LGO	
88	<i>Endiandra rubescens</i> Blume ex Miq.	Khuyết hùng đỏ	GOT	LGO	
89	<i>Machilus platycarpa</i> Chun	Kháo quả dẹt	GOT	LGO	
	30. Lecythydaceae	Họ Lộc vùng			
90	<i>Barringtonia acutangula</i> (L.) Gaertn.	Lộc vùng	GON	LGO, CAN	
91	<i>B. eberhardtii</i> Gagnep.	Lộc vùng eberhardt	GOT	LGO, CAN	
92	<i>B. macrocarpa</i> Hassk.	Lộc vùng quả to	GOT	LGO, CAN	
	31. Lythraceae	Họ Bằng lăng			
93	<i>Lagerstroemia ovalifolia</i> Teijsm & Binn.	Bằng lăng lá xoan	GOL	LGO, CAN	
94	<i>L. duperreanum</i> Pierre ex Gagnep.	Bằng lăng lá bóng	GOL	LGO	
95	<i>L. tomentosa</i> Presl.	Săng lẻ lông	GOL	LGO	
	32. Magnoliaceae	Họ Mộc Lan			
96	<i>Michelia mediocris</i> Dandy	Giổi xanh	GOT	LGO	
97	<i>M. faveolata</i> Merr. ex Dandy	Giổi trơn	GOL	LGO	
98	<i>Paramichelia baillonii</i> (Pierre) S. Y. Hu	Giổi xương	GOL	LGO	VU
	33. Meliaceae	Họ Xoan			
99	<i>Aglaia dasyclada</i> How & T. C. Chen	Gội đỏ	GOL	LGO	
100	<i>A. spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet	Gội nếp	GOL	LGO	VU
101	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss.	Lát hoa	GOL	LGO	VU
102	<i>Dysoxylum alliaceum</i> (Blume) Blume	Gội ít hạt	GOT	LGO	
103	<i>Dysoxylum juglans</i> (Hance) Pell.	Huỳnh đàn	GON	LGO	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ BA

	34. Mimosaceae	Họ Trinh nữ			
104	<i>Archidendron balansae</i> (Oliv.) I. Nielsen	Cút ngựa	GOT	LGO	
105	<i>A. chevalieri</i> (Kost.) I. Nielsen	Mán đĩa	GON	LGO	
106	<i>A. robinsonii</i> (Gagn.) I. Niels.	Đái heo	GON	LGO	
107	<i>A. turgidum</i> (Merr.) I. Nielsen	Đái bò	GON	LGO	
	35. Moraceae	Họ Dâu tằm			
108	<i>Ficus altissima</i> Blume	Đa tía	GOL	CAN	
109	<i>F. benamina</i> L.	Si	GOL	CAN	
110	<i>F. glaberrima</i> Blume	Đa nhãn	GOL	CAN	
111	<i>F. vasculosa</i> Wall. ex Miq.	Đa bóng	GOT	CAN	
	36. Myrtaceae	Họ Sim			
112	<i>Syzygium jambos</i> (L.) Alston	Roi	GON	LGO	
113	<i>S. zeylanicum</i> (L.) DC.	Tràm tích lan	GOT	LGO	
114	<i>S. wightianum</i> Wall. ex Wight & Arn.	Trâm trắng	GOT	LGO	
	37. Ochnaceae	Họ Mai			
115	<i>Gomphia serrata</i> (Gaertn.) Kanis	Mai cánh lõm	GON	LGO	
116	<i>G. striata</i> (Tiegh.) C. F. Wei	Mai sọc	BUI	CAN	
117	<i>Ochna integerrima</i> (Lour.) Merr.	Mai vàng	BUI	CAN	
	38. Rosaceae	Họ Hoa hồng			
118	<i>Prunus arborea</i> (Blume) Kalkm.	Xoan đào lông	GOL	LGO	
	39. Rubiaceae	Họ Cà phê			
119	<i>Ixora finlaysoniana</i> Wall.	Đơn trắng	BUI	CAN	
	40. Sapindaceae	Họ Bồ hòn			
120	<i>Amesiodendron chinense</i> (Merr.) Hu	Trường mật	GOL	LGO	
121	<i>Arytera littoralis</i> Blume	Trường nguân	GOT	LGO	
122	<i>Mischocarpus pentapetalus</i> (Roxb.) Radlk.	Nây năm cánh	BUI, GOL	LGO	
123	<i>Nephelium melliferum</i> Gagnep.	Trường vại	GOT	LGO	
124	<i>Paviesia annamensis</i> Pierre	Cò kén	GON	LGO	
125	<i>Pometia pinnata</i> Forst. & Forst.	Trường mật	GOL	LGO	
	41. Sapotaceae	Họ Hồng xiêm			
126	<i>Donella lanceolata</i> (Blume) Aubr.	Sơn xã	GOL	LGO	
127	<i>Madhuca pasquieri</i> (Dub.) H. J. Lam	Sến mật	GOL	LGO	EN
128	<i>Planchonella annamensis</i> Pierre ex Dubard	Tầm chạc	GOT	LGO	
129	<i>Xantolis dongnaiensis</i> (Dub.) Aubr.	Găng	GOT	LGO	
	42. Sonneratiaceae	Họ Bần			
130	<i>Dubautia grandiflora</i> (Roxb. ex DC.) Walp.	Phay	GOL	LGO	
	43. Sterculiaceae	Họ Trôm			
131	<i>Pterospermum diversifolium</i> Blume	Lòng mang xé	GOL	LGO	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ BA

132	<i>P. heterophyllum</i> Hance	Lông mang	GOT	LGO	
133	<i>Tarrietia javanica</i> Blume	Huỳnh	GOL	LGO	
	44. Ulmaceae	Họ Du			
134	<i>Gironniera cuspidata</i> (Blume) Planch. ex Kurz	Ngát trơn	GOL	LGO	
135	<i>G. subaequalis</i> Planch.	Ngát vàng	GOL	LGO	
	45. Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa			
136	<i>Gmelia arborea</i> Roxb.	Lôi thọ	GOT	LGO	
137	<i>Vitex quinata</i> (Lour.) Williams	Mạn kinh	GOT	LGO	
	LILIOPSIDA	LỚP LOA KÈN			
	46. Agavaceae	Họ Dứa sọ			
138	<i>Licuala elegans</i> Magalon	Trụi thành	BUI	CAN	
139	<i>L. grandis</i> Wendl.	Mật cật to	BUI	CAN	
140	<i>Livistona tonkinensis</i> Magalon	Kề bắc bộ	CAU	CAN	
141	<i>Pinanga duperreana</i> Pierre ex Becc.	Cau chuột	BUI	CAN	
142	<i>Rhapis excoeca</i> (Thunb.) Henry ex Rehd.	Hèo cảnh	BUI	CAN	
	47. Musaceae	Họ Chuối			
143	<i>Musa aucuminata</i> Colla.	Chuối rừng	TH		
	48. Orchidaceae	Họ Lan			
144	<i>Aerides falcata</i> Lindl.	Giáng hương	TH	CAN	
145	<i>Arundina graminifolia</i> (D.Don) Hochr.	Lan trúc	TH	CAN	
146	<i>Bulbophyllum poilanei</i> Gagnep.	Cầu diệp	TH	CAN	
147	<i>Calanthe triplicata</i> (Willd.) Ames	Kiểu hoa xếp ba	TH	CAN	
148	<i>Coelogyne mooreana</i> Sander ex Rolfe	Tuyết ngọc	TH	CAN	
149	<i>Cymbidium banaense</i> Gagnep.	Thiên nga	TH	CAN	
150	<i>Dendrobium amabile</i> (Lour.) O'Brien	Thủy tiên hương	TH	CAN	EN
151	<i>D. farmeri</i> Paxt.	Ngọc điểm	TH	CAN	VU
152	<i>D. lindleyi</i> Steud.	Vảy rồng	TH	CAN	
153	<i>D. parviflorum</i> Reichb. f. ex Lindl.	Lan hương	TH	CAN	
154	<i>D. thyrsiflorum</i> Reichb. f. in Andre	Thủy tiên vàng	TH	CAN	
155	<i>Paphiopedilum callosum</i> (Reichb. f.) Stein	Vân hải	TH	CAN	
156	<i>Renanthera coccinea</i> Lour.	Kho mộc tía	TH	CAN	

Ghi chú: Dạng sống: GOL - Gỗ lớn; GOT - Gỗ trung bình; GON - Gỗ nhỏ; BUI - Bụi; DL - Dây leo; TH - Cây thảo. Công dụng: LGO - Lấy gỗ; CAN - Làm cảnh, cho bóng mát. Sách Đỏ Việt Nam, 2007: EN - Nguy cấp; VU - Sẽ nguy cấp; CR - Rất nguy cấp.